

# MARKET LENS

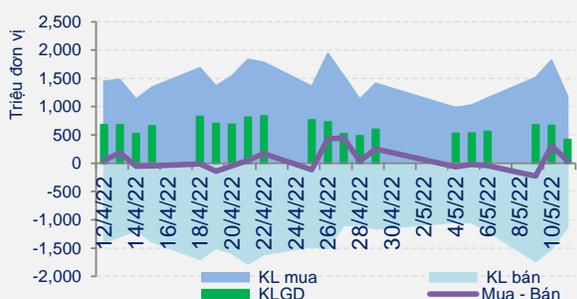
Phiên giao dịch ngày:

11/5/2022

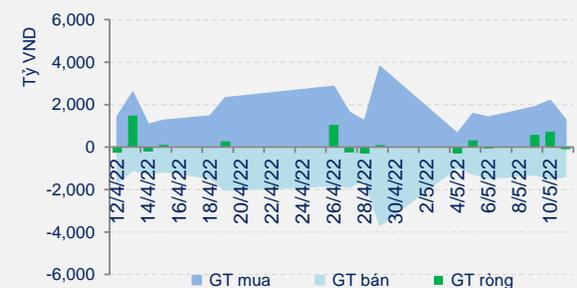
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,301.53	333.04
% Thay đổi	↑ 0.62%	↑ 0.92%
KLGD (CP)	418,232,360	50,132,225
GTGD (tỷ đồng)	11,519.60	1,109.20
Tổng cung (CP)	1,130,459,700	68,076,300
Tổng cầu (CP)	1,176,261,200	71,017,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	38,924,700	110,900
KL mua (CP)	34,360,900	332,300
GT mua (tỷ đồng)	1,282.56	7.98
GT bán (tỷ đồng)	1,377.37	4.19
GT ròng (tỷ đồng)	(94.81)	3.79

## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



## CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục trong phiên thứ hai liên tiếp với mức tăng yếu hơn phiên trước đó và thanh khoản cũng suy giảm đáng kể.

Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 7,97 điểm (+0,62%) lên 1.301,53 điểm. Độ rộng là tích cực với 294 mã tăng (19 mã tăng trần), 50 mã tham chiếu, 143 mã giảm (0 mã giảm sàn). HNX-Index tăng 3,02 điểm (+0,92%) lên 333,04 điểm. Độ rộng là tích cực với 144 mã tăng (17 mã tăng trần), 49 mã tham chiếu, 73 mã giảm (5 mã giảm sàn).

Thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần nhất một chút với giá trị giao dịch đạt 12.058 tỷ đồng trên hai sàn tương ứng với khối lượng giao dịch là 449 triệu cổ phiếu.

Thị trường giao dịch với sắc đỏ trong phiên giao dịch sáng và nửa đầu phiên chiều cho đến khi lực cầu xuất hiện đã giúp các chỉ số lấy lại sắc xanh và kết phiên ở gần mức cao nhất.

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc rổ VN30 (+0,32%) tuy tăng yếu hơn thị trường chung với 16/30 mã tăng như CTG (+6%), PNJ (+3,9%), FPT (+3,6%), VRE (+2,8%), ACB (+2,6%)... nhưng cũng góp phần giữ vững sắc xanh cho thị trường.

Cổ phiếu ngân hàng tiếp tục có một phiên tăng giá tích cực, ngoài những mã đã nói trên có thể kể đến PGB (+8,7%), EIB (+7%), VBB (+4,9%), VIB (+2,7%)...

Nhóm bất động sản cũng có sự hồi phục ấn tượng như DIG (+7%), DXG (+2%), VHM (+0,9%), NLG (+1,6%), VRE (+2,8%), KBC (+2,6%)...

Nhóm cổ phiếu chứng khoán giao dịch khá cầm chừng với sự phân hóa rõ nét với SHS (+1,9%), APS (+9,9%), ORS (+2,4%), ART (+10%)... và bên giảm là SSI (-0,7%), VND (-1%), VCI (-1,4%), HCM (-0,4%)...

Khối ngoại bán ròng nhẹ trên HOSE với giá trị ròng ước đạt 94,81 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 4,6 triệu cổ phiếu. Mã bị bán ròng nhiều nhất là VNM với 70,2 tỷ đồng, tiếp theo là E1VFN30 với 54,2 tỷ đồng và DXG với 47,9 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, DPM là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 49,5 tỷ đồng, tiếp theo là CTG với 49,3 tỷ đồng và DGC với 41,1 tỷ đồng.

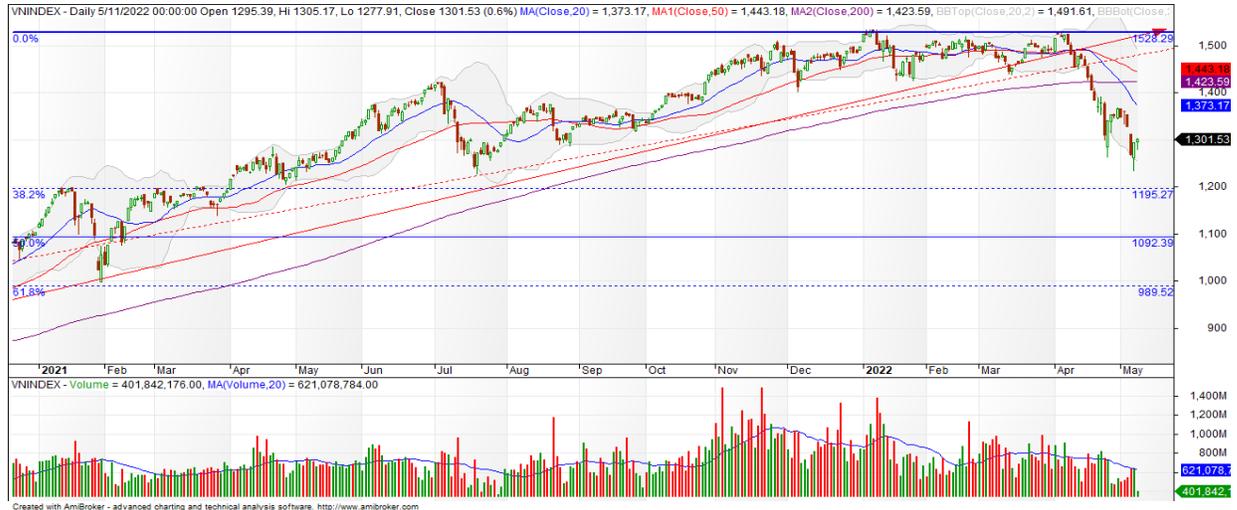
Trên thị trường phái sinh, các hợp đồng tương lai VN30 đều thấp hơn chỉ số cơ sở VN30 từ 13 đến 13 điểm cho thấy các nhà giao dịch vẫn đang nghiêng về khả năng thị trường có thể giảm trở lại.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 11/5/2022

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index



VN-Index (+0,62%) hồi phục trong phiên thứ hai liên tiếp nhưng với mức tăng yếu hơn và thanh khoản khớp lệnh xấp xỉ suy giảm mạnh so với phiên tăng trước đó và đây là mức thấp nhất kể từ tháng 7/2021. Kết hợp với diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy là nhà đầu tư có vẻ đang khá thờ ơ với thị trường thời điểm hiện tại và chỉ cần một lực cầu nhỏ cũng đủ giúp chỉ số kết phiên trong sắc xanh.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là sau khi chỉ số VN-Index đánh mất ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% sóng điều chỉnh 4) thì đã xác nhận VN-Index chuyển sang sóng điều chỉnh a với target theo lý thuyết quanh ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng tăng 5). Cần lấy lại ngưỡng 1.350 điểm trong thời gian tới để xác nhận VN-Index quay trở lại sóng tăng 5 với target trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4).

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 12/5, VN-Index có thể sẽ tiếp tục hồi phục để hướng đến lấp lại vùng gap tạo ra giữa hai phiên 6/5 và 9/5 trong khoảng 1.315-1.330 điểm nếu lực cầu mua lên là đủ tốt.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu lực cầu mua lên không có sự cải thiện và áp lực bán gia tăng trở lại thì chỉ số VN-Index có thể sẽ lùi về những vùng giá thấp hơn để tìm kiếm lực cầu bắt đáy.

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Sau khi tạo đáy trong vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm trong phiên sáng ngày 10/5, chỉ số VN-Index đã có hai phiên hồi phục liên tiếp, tuy với thanh khoản yếu nhưng điều này phần nào đó đã giúp nhà đầu tư trở nên bình tĩnh hơn.

Diễn biến của đợt hồi đáy 2 này khá tương đồng với diễn biến của đợt hồi phục trước đó với một phiên giảm mạnh vào đầu tuần và hai phiên hồi phục nhẹ sau đó để lấy lại một phần số điểm đã mất.

Trước mắt của thị trường sẽ là vùng kháng cự trong khoảng 1.315-1.330 điểm tương ứng với vùng gap tạo ra trước đó giữa hai phiên 6/5 và 9/5 và đây được dự báo sẽ là vùng cản quan trọng của thị trường trong các phiên tiếp theo. Nếu có thể vượt qua được thì thị trường có thể tiếp tục đi lên, ngược lại nếu thất bại thì thị trường có thể bước vào một nhịp điều chỉnh nữa.

Trong phiên giao dịch tiếp theo 12/5, VN-Index có thể sẽ tiếp tục hồi phục để hướng đến lấp lại vùng gap trong khoảng 1.315-1.330 điểm nếu lực cầu mua lên là đủ tốt.

Chúng tôi cho rằng, ở thời điểm hiện tại, giá của cổ phiếu đã trở nên rẻ hơn trước đó và đây là cơ hội đối với những nhà đầu tư dài hạn để nâng cao tỷ trọng trong danh mục các cổ phiếu có cơ bản tốt và tiềm năng tăng trưởng trong tương lai trong trường hợp thị trường điều chỉnh. Đối với những nhà đầu tư ngắn hạn hơn có thể tham khảo danh mục cổ phiếu theo dõi của chúng tôi trong bản tin ở trang tiếp theo.



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 11/5/2022

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
DTD	27.3	25-27	31-33	24	19.3	-37.8%	-64.0%	Giải ngân tích lũy 5-10% NAV khi điều chỉnh, vùng hỗ trợ 26.5+
DPR	73	68-70	86-87	67	4.5	1.2%	-4.1%	Giải ngân tích lũy 5-10% NAV khi có điều chỉnh, vùng hỗ trợ 70+
ANV	48	47.5-48.5	60	44.5	-	72.7%	223.9%	Mua trên nền tích lũy vùng đỉnh

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
28/04/2022	BSR	20.5	21.4	24-25	20	-4.21%	Nắm giữ, xu hướng ngắn hạn tích lũy
28/04/2022	HPG	40.65	42.7	51-53	40	-4.80%	Nắm giữ, xu hướng ngắn hạn tích lũy
4/5/2022	VSC	51.1	49.6	58-59	49	3.02%	Nắm giữ, xu hướng ngắn hạn tăng trưởng
4/5/2022	PVS	25	24.8	29-30	24	0.81%	Nắm giữ, xu hướng ngắn hạn tích lũy
5/5/2022	FPT	101.9	103.5	115-120	98	-1.55%	Nắm giữ, xu hướng ngắn hạn tích lũy
5/5/2022	BWE	51.9	53	62-65	50	-2.08%	Nắm giữ, xu hướng ngắn hạn tích lũy
5/5/2022	GMD	56.5	56	63-65	53	0.89%	Nắm giữ
11/5/2022	POW	13.2	13.15	15.2-16	12	0.38%	Mở mua, giá 13.15



## TIN VÍ MÔ

### **Xuất khẩu thủy sản tăng gần 44%**

Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc là 3 thị trường nhập khẩu thủy sản hàng đầu của Việt Nam. Trong số đó, thị trường có giá trị tăng mạnh nhất là Trung Quốc.

Giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tháng 4 vừa qua ước đạt 1,05 tỷ USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 4 tháng đầu năm nay đạt 3,57 tỷ USD, tăng 43,7% so với cùng kỳ năm 2021.

### **Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất 4 giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) đề xuất Chính phủ yêu cầu các cơ quan Trung ương và địa phương chưa phân bổ số vốn ngân sách Trung ương (NSTU) còn lại phải có cam kết lộ trình giao kế hoạch cụ thể, rà soát, điều chỉnh ngay cho các dự án đầu tư công chuyển tiếp đủ điều kiện giao vốn.

### **Bộ Công Thương đề xuất chính sách đặc thù xây dựng ngành thép giai đoạn tới**

Bộ Công Thương cho rằng năng lực cạnh tranh ngành thép khá thấp, bởi phần lớn nguyên liệu đầu vào sản xuất đều phải nhập khẩu.

Ngành công nghiệp thép đã có sự phát triển nhanh trong 5 năm trở lại đây nhưng mất cân đối giữa phát triển thượng nguồn và hạ nguồn.

Tổng nhu cầu thị trường các ngành chế tạo của Việt Nam giai đoạn đến 2030 có thể đạt 310 tỷ USD.

Bộ Công Thương cho rằng cần chính sách đặc thù để phát triển ngành thép ổn định và bền vững.

### **TP HCM thanh tra hơn 10.000 doanh nghiệp nợ bảo hiểm**

TP HCM có gần 45.000 doanh nghiệp nợ bảo hiểm xã hội 1-12 tháng với tổng số tiền hơn 4.000 tỷ đồng.

TP HCM là địa phương thu, chi bảo hiểm xã hội lớn nhất nước.

### **Trình Chính phủ gia hạn 125.000 tỉ đồng tiền thuế và tiền thuê đất năm 2022**

Bộ Tài chính tiếp tục đề xuất gia hạn các loại thuế, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong năm 2022 đối với các đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Bộ Tài chính vừa có tờ trình Chính phủ về dự thảo Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất, thuê mặt nước trong năm 2022.



TIN DOANH NGHIỆP

**Hợp ĐHCĐ Vincom Retail:  
Giai đoạn 2022-2026 sẽ mở  
rộng thêm 2 triệu m2 mặt sàn**

Công ty đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm nay với doanh thu 8.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 2.400 tỷ đồng, lần lượt tăng 35,8% và 82,5% so với thực hiện năm 2021.  
Vincom Retail sẽ không chia cổ tức 2021.

**Gelex điều chỉnh phương án  
cổ tức 2021 thành 5% bằng  
tiền**

HĐQT trình phương án chia cổ tức năm 2021 tỷ lệ 5% bằng tiền mặt, tương ứng với thanh toán gần 426 tỷ đồng.  
HĐQT cũng muốn được cổ đông ủy quyền cho quyết định chi tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền nếu xét thấy phù hợp.

**GAS ước lãi sau thuế 4 tháng  
đầu năm đạt 4,544 tỷ đồng**

Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (HOSE: GAS) vừa công bố kết quả ước thực hiện 4 tháng đầu năm với tổng doanh thu đạt 37,460 tỷ đồng và lãi sau thuế 4,544 tỷ đồng.  
Đơn vị cho biết đã cung cấp 2.7 tỷ m3 khí khô, sản xuất và cung cấp 41 ngàn tấn condensate, sản xuất và kinh doanh 760 ngàn tấn LPG (537 ngàn tấn thị trường trong nước; 223 ngàn tấn xuất khẩu và kinh doanh quốc tế).  
GAS tiếp tục thực hiện tái cấu trúc theo hướng tập trung hiệu quả và thành lập Công ty Kho cảng LNG Sơn Mỹ.

**PPC đặt mục tiêu lãi sau thuế  
2022 tăng 57%**

Theo Tài liệu hợp ĐHCĐ thường niên 2022, CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HOSE: PPC) dự kiến đem về gần 5,428 tỷ đồng doanh thu và 278 tỷ đồng lãi trước thuế trong năm 2022, lần lượt tăng 24% và 57% so với năm trước.

**Cao su Phước Hòa đặt mục  
tiêu quý II lãi 220 tỷ đồng, gấp  
4,8 lần**

Doanh nghiệp lên kế hoạch doanh thu công ty mẹ tăng 39% và lợi nhuận gấp 4,8 lần cho quý II.  
Quý I, Cao su Phước Hòa báo lãi gấp 11,3 lần cùng kỳ năm trước nhờ nhận tiền đền bù hỗ trợ thiệt hại khi bàn giao đất thực hiện dự án VSIP 3.

**Đạt Phương báo lãi ròng quý  
I tăng 15% nhờ doanh thu  
màng sản xuất điện tăng**

Doanh thu thuần của Đạt Phương là 545,1 tỷ đồng, tăng 18,8% so với cùng kỳ năm 2021.  
Lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ tăng 15,5% lên 112,5 tỷ đồng.

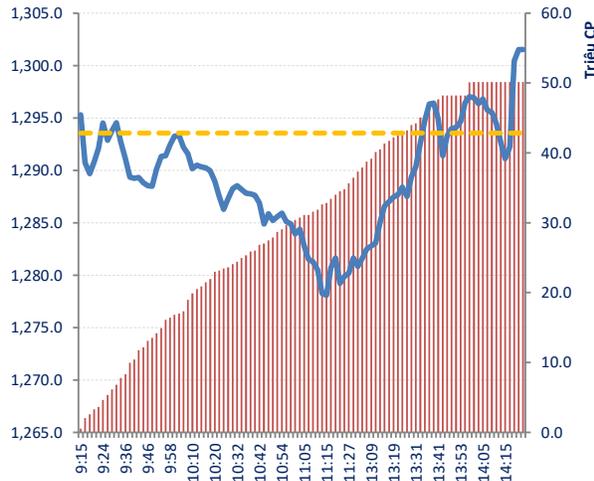
**Thị giá trượt dốc với loạt  
lệnh bán lớn, CEO DIC Corp:  
"Tôi và Chủ tịch liên hệ hàng  
ngày với Him Lam, yêu cầu  
họ không có động thái làm áp  
lực quá đến cổ phiếu DIG"**

"Him Lam cũng xin phép tôi không làm cổ đông lâu dài của DIC Corp nữa, họ sẽ bán hết 52 triệu cổ phiếu trong thời gian sớm nhất. Chúng tôi đang kỳ vọng Him Lam sẽ có lộ trình thoái vốn khác đi. Có thể chúng ta sẽ bàn lại với họ mua lại một phần với giá thỏa thuận để tránh ảnh hưởng trực tiếp đến các cổ đông khác trong ngắn hạn", Chủ tịch DIC Corp chia sẻ.

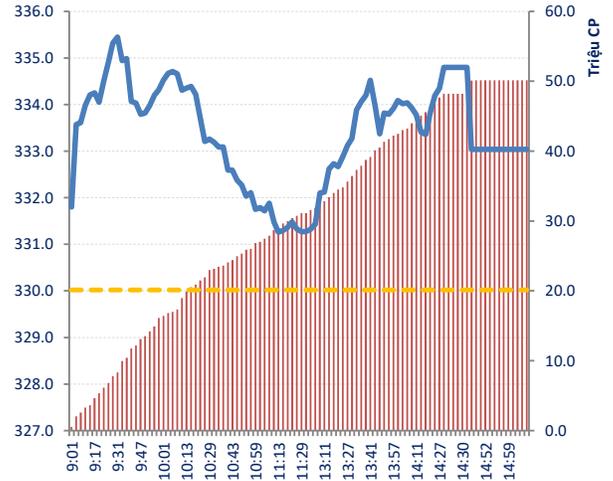


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH

#### KLGD và VN-Index trong phiên



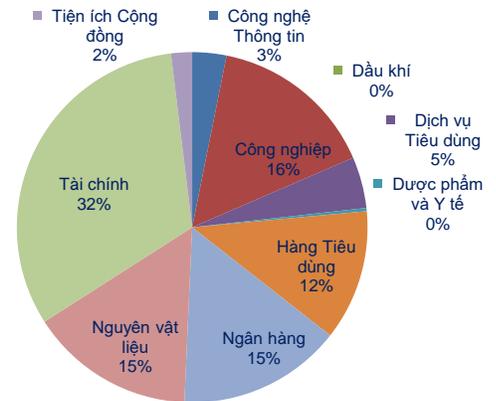
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



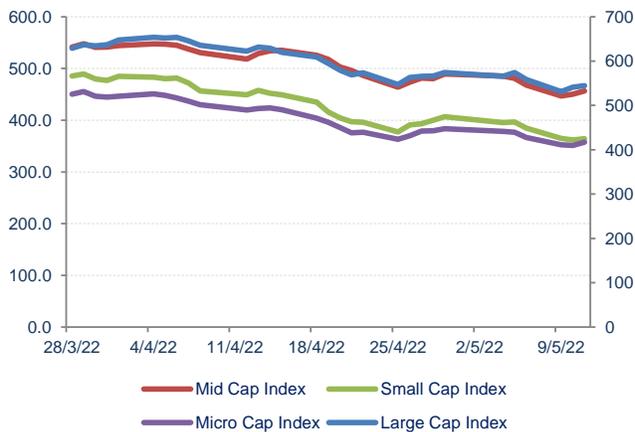
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



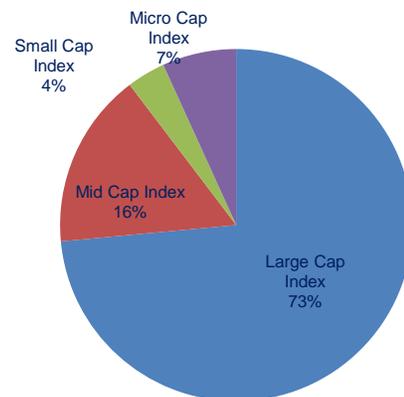
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	1,904,200	E1VFN30	2,407,600	1	PVS	257,600	PSD	24,900
2	FUEVFNND	948,100	DXG	1,592,900	2	IVS	14,000	THD	13,500
3	DPM	868,500	VNM	1,001,500	3	VKC	10,000	BCC	10,000
4	STB	783,600	FCN	785,600	4	IDV	4,700	PVG	10,000
5	VHM	479,100	SBT	509,700	5	APS	4,100	SHS	6,300

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
STB	23.90	23.55	↓ -1.46%	19,706,800	PVS	24.20	25.00	↑ 3.31%	8,110,066
ROS	4.83	5.16	↑ 6.83%	11,893,600	HUT	22.80	23.30	↑ 2.19%	4,095,053
DIG	53.00	56.70	↑ 6.98%	11,641,300	KLF	4.40	4.70	↑ 6.82%	3,722,453
HPG	41.10	40.65	↓ -1.09%	9,971,700	SHS	16.00	16.30	↑ 1.88%	3,080,170
HQC	5.55	5.81	↑ 4.68%	9,830,600	CEO	33.00	36.30	↑ 10.00%	2,789,148

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

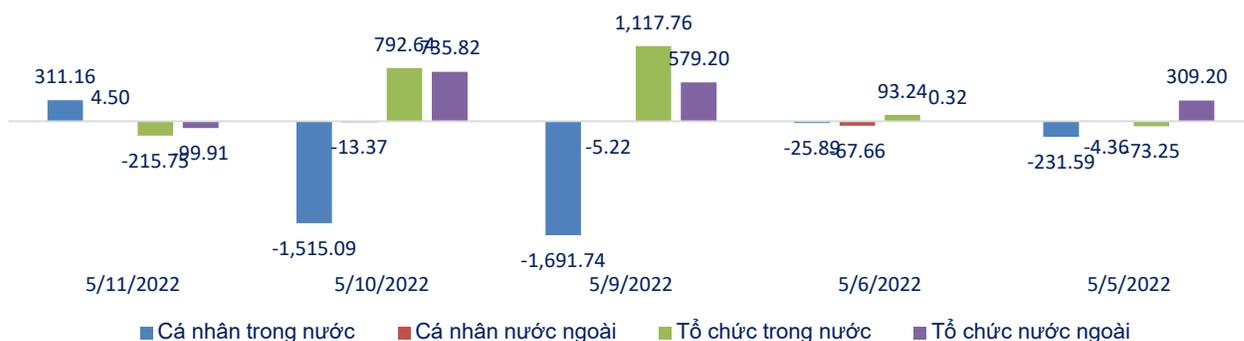
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PNC	9.01	9.64	0.63	↑ 6.99%	THS	17.00	18.70	1.70	↑ 10.00%
TNC	46.55	49.80	3.25	↑ 6.98%	ART	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
DIG	53.00	56.70	3.70	↑ 6.98%	WCS	164.00	180.40	16.40	↑ 10.00%
NBB	17.20	18.40	1.20	↑ 6.98%	CEO	33.00	36.30	3.30	↑ 10.00%
EIB	29.40	31.45	2.05	↑ 6.97%	L14	140.20	154.20	14.00	↑ 9.99%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TCR	5.92	5.52	-0.40	↓ -6.76%	BST	17.00	15.30	-1.70	↓ -10.00%
DTL	40.50	38.00	-2.50	↓ -6.17%	TTT	54.50	49.10	-5.40	↓ -9.91%
SGT	31.50	29.60	-1.90	↓ -6.03%	HEV	35.90	32.40	-3.50	↓ -9.75%
AAM	13.25	12.50	-0.75	↓ -5.66%	SDU	24.80	22.40	-2.40	↓ -9.68%
IDI	23.95	22.70	-1.25	↓ -5.22%	VE2	10.60	9.60	-1.00	↓ -9.43%

(\*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)


**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	216.14	15.4%	2,143	24.7	3.5
STB	116.85	11.6%	2,089	11.4	1.3
VNM	86.02	29.4%	4,894	14.4	4.2
DXG	45.32	6.7%	1,502	20.2	1.3
MSN	41.25	27.9%	7,044	16.5	4.5

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DPM	-50.03	49.4%	12,931	4.3	1.7
FPT	-47.68	22.0%	5,141	19.1	3.9
DGC	-43.78	58.0%	20,107	10.5	4.8
HPG	-41.90	41.0%	7,985	5.1	1.9
PNJ	-38.81	19.6%	5,460	18.9	3.1

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGW	5.29	45.9%	8,609	13.6	5.3
DIG	3.56	15.4%	2,143	24.7	3.5
REE	1.69	13.3%	6,900	12.6	1.6
SKG	1.35	-4.3%	(558)	-	1.2
VCI	1.12	18.0%	2,081	16.9	1.6

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-4.37	13.0%	1,326	21.0	1.8
DXG	-1.44	6.7%	1,502	20.2	1.3
VPB	-1.25	22.7%	3,891	8.6	1.6
VHM	-1.23	31.4%	8,807	7.9	2.2
ITA	-1.05	2.3%	267	43.0	1.0

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	50.34	41.0%	7,985	5.1	1.9
FPT	47.78	22.0%	5,141	19.1	3.9
PNJ	38.81	19.6%	5,460	18.9	3.1
VRE	37.99	3.0%	401	70.1	2.1
SBT	34.29	8.8%	1,219	13.5	1.1

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	-209.06	15.4%	2,143	24.7	3.5
STB	-135.19	11.6%	2,089	11.4	1.3
VHM	-37.10	31.4%	8,807	7.9	2.2
SSI	-29.78	13.0%	1,326	21.0	1.8
FUEVFVND	-26.55	N/A	N/A	N/A	N/A

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	50.30	12.9%	2,558	9.9	1.2
DPM	49.35	49.4%	12,931	4.3	1.7
DGC	41.00	58.0%	20,107	10.5	4.8
VHM	35.16	31.4%	8,807	7.9	2.2
FUEVFVND	25.90	N/A	N/A	N/A	N/A

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-70.25	29.4%	4,894	14.4	4.2
E1VFN30	-54.31	N/A	N/A	N/A	N/A
DXG	-46.16	6.7%	1,502	20.2	1.3
MSN	-30.00	27.9%	7,044	16.5	4.5
PLX	-21.32	8.6%	1,907	22.4	1.9



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	19,706,800	11.6%	2,089	11.4	1.3
ROS	11,893,600	3250.0%	168	28.8	0.4
DIG	11,641,300	15.4%	2,143	24.7	3.5
HPG	9,971,700	41.0%	7,985	5.1	1.9
HQC	9,830,600	0.2%	17	325.5	0.6

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	8,110,066	5.3%	1,409	17.2	0.9
HUT	4,095,053	4.8%	549	41.5	2.0
KLF	3,722,453	0.4%	37	118.7	0.4
SHS	3,080,170	25.5%	2,457	6.5	1.0
CEO	2,789,148	4.3%	571	57.8	2.4

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PNC	↑ 7.0%	-9.4%	(1,393)	-	0.6
TNC	↑ 7.0%	10.5%	1,889	24.6	2.6
DIG	↑ 7.0%	15.4%	2,143	24.7	3.5
NBB	↑ 7.0%	16.5%	3,522	4.9	0.9
EIB	↑ 7.0%	8.1%	1,172	25.1	2.0

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
THS	↑ 10.0%	9.8%	1,385	12.3	1.2
ART	↑ 10.0%	3.0%	350	17.2	0.5
WCS	↑ 10.0%	-0.1%	(49)	-	2.4
CEO	↑ 10.0%	4.3%	571	57.8	2.4
L14	↑ 10.0%	43.1%	9,983	14.0	4.3

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	1,904,200	12.9%	2,558	9.9	1.2
FUEVFVND	948,100	N/A	N/A	N/A	N/A
DPM	868,500	49.4%	12,931	4.3	1.7
STB	783,600	11.6%	2,089	11.4	1.3
VHM	479,100	31.4%	8,807	7.9	2.2

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	257,600	5.3%	1,409	17.2	0.9
IVS	14,000	5.3%	527	17.4	0.9
VKC	10,000	0.6%	70	81.1	0.5
IDV	4,700	37.5%	8,375	6.7	2.4
APS	4,100	62.2%	9,839	1.7	1.0

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	378,601	20.8%	4,853	16.5	3.2
VIC	306,640	-1.6%	(624)	-	2.3
VHM	304,370	31.4%	8,807	7.9	2.2
GAS	206,707	19.6%	5,262	20.5	3.7
HPG	183,837	41.0%	7,985	5.1	1.9

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	35,525	12.4%	2,155	47.1	5.5
KSF	32,280	9.0%	1,373	78.4	5.1
NVB	20,713	0.0%	0	98,978.6	3.6
IDC	15,030	13.2%	2,183	22.9	2.8
BAB	14,159	8.2%	981	19.2	1.5

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	4.29	-4.4%	(596)	-	0.6
QBS	4.20	-2.0%	(171)	-	0.6
CII	4.17	-4.1%	(1,382)	-	0.6
PXS	4.15	-1.4%	(80)	-	1.1
DAG	4.15	0.9%	100	81.3	0.7

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
BII	2.63	3.1%	345	18.6	0.5
PVL	2.55	7.0%	347	18.5	1.3
ART	2.42	3.0%	350	17.2	0.5
CEO	2.42	4.3%	571	57.8	2.4
KDM	2.37	0.1%	6	4,554.3	2.4



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---